TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HSST
Ngày 06/01/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Hội thẩm nhân dân: - Ông Lục Đại Cương;

- Ông Nguyễn Tiến Tân;

Thư ký phiên tòa: ông Trịnh Xuân Tùng - Thư ký Tòa án ND huyện Như Thanh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh tham gia phiên tòa: Bà Mai Cẩm Vân - Kiểm sát viên;

Ngày 06 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Như thanh, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2019.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Trường Q - Sinh ngày 05/2/1986 tại Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Trú tại: thôn Châu Cương, xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề ngH: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Con ông Lê Trường T - Sinh năm 1950; Con bà Lê Thị H - Sinh năm 1961; Gia đình có 03 anh em, Q là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị N - Sinh năm 1989; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/10 đến ngày 19/10/2019 được tại ngoại, có mặt.

2. Họ và tên: H - Sinh ngày 05/6/1984 tại Thanh Hóa; Giới tính: Nam; Trú tại: thôn Châu Cương, xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Bị cáo không biết bố mình là ai. Con bà Nguyễn Thị L -

Sinh năm 1955; Gia đình có 02 anh em, H là con đầu. Vợ: Cao Thị N - SN 1989; Bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/10 đến ngày 19/10/2019 được tại ngoại, có mặt.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn S - Sinh năm 1976;

2. Chị Quách Thị H - Sinh năm 1980;

Đều trú tại: Thôn 11, xã Xuân Du, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Hoàng Văn T - Sinh năm 1969;

Trú tại: Thôn 10, xã Xuân Du, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

Đều vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1989.

Trú tại: thôn Châu Cương, xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 16/10/2019 Lê Trường Q - SN 1986 trú tại thôn Châu Cương, xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa gọi điện thoại cho H SN - 1984 trú cùng thôn để rủ H đi trộm cắp xe máy và H đồng ý. Khi đi Q mang theo 01 vam khóa tự chế và điều khiển xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại NOUVO, màu đỏ đen, BKS 19K1-019.35 của chị Nguyễn Thị N là vợ của Q đến đón H. Trên đường đi, Q đưa vam khóa cho H cầm, Q điều khiển xe máy chở H đi dọc tuyến đường liên xã Triệu Thành, sau đó đi sang tuyến đường liên xã Xuân Du. Khi đi đến UBND xã Xuân Du phát hiện người dân tập trung xem thi đấu bóng chuyền trong sân Ủy ban xã, bên ngoài cổng ủy ban có nhiều xe máy dựng mà không có người trông coi nên Q đã dừng lại và thống nhất với H: Q là người đi xe máy vào trong sân Ủy ban xã đứng canh giác, còn H đi lại khu vực dựng xe máy bên ngoài cổng Ủy ban xã để dùng vam phá khóa, H dùng vam phá khóa xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave RSX, màu đỏ đen, BKS: 36B4-589.47 của anh Nguyễn Văn S ở thôn 11, xã Xuân Du, huyện Như Thanh. Khi phá được khóa thì có người dân đi đến lấy xe dựng ở bên cạnh nên H đã dắt xe máy dịch khỏi vị trí ban đầu khoảng 05m nhằm tránh sự phát hiện rồi nổ máy xe nhưng không được, H để nguyên xe máy tại vị trí đã dịch chuyển. Sau đó đi lại chiếc xe máy nhãn hiệu VIỆT THÁI, màu trắng, BKS: 36AA-094.48 của anh Hoàng Văn T ở thôn 10, xã Xuân Du, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa dùng vam phá khóa nhưng không phá được. H tiếp tục lại nơi để chiếc

xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave alpha, màu đỏ BKS 36R8-9438 dùng vam phá khóa, khi phá được H vừa ngồi lên xe nổ máy thì bị người dân phát hiện, khi bỏ chạy được 05m thì bị người dân cùng với lực lượng công an bắt giữ. Thấy H bị bắt giữ, Q điều khiển xe máy BKS 19K1-019.35 bỏ chạy thì bị bắt giữ ngay sau đó. Tổ công tác Công an huyện Như Thanh đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ các vật chứng có liên quan và đưa về trụ sở Công an làm việc.

Ngày 18/10/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Như Thanh đã có kết luận:

Xe máy HONDA, loại Wave alpha, màu đỏ, BKS 36R8-9438 đã qua sử dụng tại thời điểm trộm cắp có giá trị là 7.000.000đ *(bảy triệu đồng)*.

Xe máy nhãn hiện HONDA, loại Wave RSX, màu đỏ đen, BKS 36B4-589.47 đã qua sử dụng tại thời điểm trộm cắp có giá trị là 10.500.000đ *(mười triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Ngày 29/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Như Thanh kết luận: chiếc xe máy nhãn hiệu VIỆT THÁI, màu trắng, BKS: 36AA-094.48 đã qua sử dụng tại thời điểm trộm cắp có giá trị là 3.500.000đ *(ba triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Giá trị tài sản mà Lê Trương Q và H đã trộm cắp là 21.000.000đ *(hai mươi mốt triệu đồng)*.

*** Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự**

- Chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave RSX, màu đỏ đen, BKS 36B4-589.47 là của anh Nguyễn Văn S và chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Wave alpha, màu đỏ, BKS 36R8-9438 là của chị Quách Thị H, đều trú tại thôn 11, xã Xuân Du, huyện Như Thanh; chiếc xe máy BKS: 36AA-094.48 của anh Hoàng Văn Tâm ở thôn 10, xã Xuân Du, huyện Như Thanh (đều là bị hại trong vụ án này). Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

- Chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại NOUVO, màu đỏ đen, BKS 19K1-019.35 là của chị Nguyễn Thị N; trú tại thôn Châu Cương, xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (là vợ của bị can Lê Trường Q). Việc Q tự ý lấy xe của chị Nga đi thực hiện hành vi trộm cắp thì chị Nga không biết. Do đó, cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý hình sự đối với chị Nga và đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu ITEL, màu trắng bạc, số IMEI: 358175083459063 của Lê Trường Q; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu xanh, số IMEI: 354376100059944 của H cùng 01 (một) vam khóa hình chữ "T" bằng kim loại, đã chuyển từ kho vật chứng của Công an huyện Như Thanh đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Như Thanh quản lý, chờ

xử lý.

*** Về phần dân sự**

Sau khi xảy ra sự việc, các bị cáo đã khắc phục hậu quả bằng cách đem sửa chữa xe máy bị hỏng cho anh Nguyễn Văn S và chị Quách Thị H, bồi thường cho anh Hoàng Văn Tâm số tiền 200.000đ. Các bị hại gồm anh Nguyễn Văn S, Quách Thị H và anh Hoàng Văn Tâm không yêu cầu và đề nghị gì về phần đền bù dân sự.

Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, truy tố Lê Trường Q và H theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tội "Trộm cắp tài sản".

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo.

Và đề nghị Hội đồng xét xử,

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 57 và 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Trường Q từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Xử phạt bị cáo H từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tuyên tịch thu, tiêu hủy vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu ITEL, màu trắng bạc, số IMEI: 358175083459063; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu xanh, số IMEI: 354376100059944 và 01 (một) vam khóa hình chữ "T" bằng kim loại.

Không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của cơ quan điều tra Công an huyện Như Thanh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi đó đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Về tội danh, tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội

của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố đó là: Khoảng 08 giờ ngày 16/10/2019, Lê Trường Q gọi điện thoại và rủ H đi trộm cắp xe máy, H đồng ý. Q lấy xe BKS 19K1-019.35 của vợ là chị Nguyễn Thị đến đón H và mang theo 01 vam phá khóa tự chế. Các bị cáo đi qua một số xã thuộc các huyện Triệu Sơn, Như Thanh. Khi đi đến UBND xã Xuân Du thuộc huyện Như Thanh thấy bên ngoài cổng có nhiều xe máy dựng mà không có người trông coi nên Q đã dừng lại và thống nhất với H, Q là người đi xe máy vào trong sân Ủy ban xã đứng cảnh giới, còn H đi lại khu vực dựng xe máy bên ngoài cổng Ủy ban xã để trộm cắp xe máy. H đã lén lút, liên tục dùng vam phá khóa 3 xe máy. Lần 1, phá được khóa xe BKS: 36B4-589.47 nhưng có người dân đi đến lấy xe dựng ở bên cạnh nên H đã dắt xe máy dịch khỏi vị trí ban đầu khoảng 05m nhằm tránh sự phát hiện, rồi nổ máy nhưng xe không nổ. Lần 2, phá khóa xe máy BKS: 36AA-094.48 nhưng không được. Lần 3, phá khóa xe máy BKS 36R8-9438, khi phá được khóa H nổ máy và chạy được khoảng 05m thì bị người dân cùng với lực lượng công an bắt giữ cùng với bị cáo Q.

Ngày 18/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Như Thanh đã có kết luận; tổng giá trị tài sản mà Lê Trương Q và H đã trộm cắp là 21.000.000 đồng *(hai mươi mốt triệu đồng)*.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, sau khi các bị cáo H và Q bàn bạc, H đã dùng vam phá khóa 2 chiếc xe máy BKS, 36AA-094.48 và 36B4-589.47 để lấy nhưng không thực hiện được đến cùng để chiếm đoạt tài sản là ngoài ý muốn. Do vậy, các bị cáo Q và H phải chịu trách nhiệm hình sự về phạm tội chưa đạt. Đối với chiếc xe máy BKS: 36R8-0938 đã mở được khóa, nổ máy đang mang khỏi nơi để nên tội phạm hoàn thành. Vì vậy, cả hai bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng giá trị của tài sản là 21.000.000 đồng.

Vì đồng phạm nên vai trò của các bị cáo trong vụ án là khác nhau, bị cáo Q là người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, sau đó cảnh giới còn bị cáo H là người thực hiện tích cực. Do vậy bị cáo Q phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo H. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Tuy nhiên, xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ hình phạt, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, phạt tù nhưng cho hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện nguyên tắc xử lý khoan hồng của pháp luật.

[4]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thì thấy.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Không.

- Tình tiết giảm nhẹ.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường ít nghiêm trọng; người phạm tội sửa chữa, bồi thường thiệt hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo được hưởng khi lượng hình.

Về hình phạt bổ sung:

- Phạt tiền bị cáo Q 5.000.000 đồng.

- Không phạt tiền đối với bị cáo H vì gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản ở giai đoạn điều tra đúng theo quy định của pháp luật và đến nay không có ý kiến, yêu cầu gì khác nên Tòa không xét.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu ITEL, màu trắng bạc, số IMEI: 358175083459063; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu xanh, số IMEI: 354376100059944 (đã bị vỡ màn hình và bị hỏng) và 01 (một) vam khóa hình chữ "T" bằng kim loại, vì không còn giá trị sử dụng.

[7]. Về án phí:

- Bị cáo H được miễn án phí hình sự sơ thẩm vì thuộc họ cận nghèo; bị cáo Q phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8]. Về kháng cáo: Các bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Tuyên bố**, các bị cáo Lê Trường Q và H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38; 57; 58 và 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Trường Q 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: H 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Q và H cho UBND xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

Những người được hưởng án treo nếu thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Phạt tiền bị cáo Lê Trường Q 5.000.000 đồng.

Không phạt tiền đối với bị cáo H.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu ITEL, màu trắng bạc, số IMEI: 358175083459063; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu xanh, số IMEI: 354376100059944 và 01 (một) vam khóa hình chữ "T" bằng kim loại.

Các vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh (theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Như Thanh với Chi cục THADS huyện Như Thanh, ngày 04/12/2019).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo H được miễn án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Q phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc bản án được niệm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Như Thanh;
- Công an huyện Như Thanh;
- THADS huyện Như Thanh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HSVA, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Dũng